

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 2190/QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 22 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số: 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số: 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Công ty cổ phần 397 Về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số: 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Công ty cổ phần 397 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ văn bản số: 8021/ĐB-KTCN ngày 30/09/2025 của Tổng Công ty Đông Bắc Về việc thông qua Phương án chi phí môi trường thường xuyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số: 2124/QĐ-CTCP397 ngày 13/10/2025 của Công ty cổ phần 397 về việc phê duyệt Phương án chi phí môi trường thường xuyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số: 2132/QĐ-CTCP397 ngày 13/10/2025 của Công ty cổ phần 397 về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Phương án chi phí môi trường thường xuyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số: 2157/QĐ-CTCP397 ngày 16/10/2025 của Công ty cổ phần 397 về việc phê duyệt kế hoạch Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch;

Căn cứ tờ trình ngày 20/10/2025 của phòng KTAT Công ty về việc trình phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch;

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày 22/10/2025 của Tổ thẩm định về việc thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch;

Theo đề nghị của trưởng phòng KTAT Công ty cổ phần 397.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch thuộc kế hoạch Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch, nội dung cụ thể như sau:

### 1. Dự toán

- Tên hạng mục công việc: Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch.

- Tên đơn vị chủ quản và thông tin liên lạc: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị dự toán: 236.605.648đ

Bằng chữ: Hai trăm ba sáu triệu sáu trăm linh năm nghìn sáu trăm bốn tám đồng.

(Chi tiết có phụ lục I kèm theo)

- Đơn vị lập dự toán: Phòng Kỹ thuật an toàn

Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần 397.

### 2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Tên gói thầu: Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch.

- Nội dung công việc chính của gói thầu: Mua phân bón, cây giống và trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II, trồng cây xanh khu vực bờ hồ Khe Uơn 1 - mỏ Nam Tràng Bạch)

- Giá gói thầu: 236.605.648đ

Bằng chữ: Hai trăm ba sáu triệu sáu trăm linh năm nghìn sáu trăm bốn tám đồng.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần 397.

- Hình thức LCNT: Chỉ định thầu.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn: 20 ngày

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Thời gian thực hiện gói thầu: 20 ngày

- Tùy chọn mua thêm: Không.

- Giám sát đấu thầu: Không.

(Chi tiết có phụ lục II kèm theo)

**Điều 2.** Giao tổ chuyên gia, tổ thẩm định cùng các cơ quan liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định cùng các cơ quan liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐQT (báo cáo);
- Các đ/c PGĐ (chỉ đạo);
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, KTAT, N08.

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

0989630970 - Vu Thi Bích Noi - 16:15 22/10/25  
Giám đốc Kiều Văn Sinh đã ký. 22/10/2025 14:12:38

16:15 22/10/2025  
22/10/2025 14:12:38

**GÓI THẦU: MUA PHÂN BÓN, CÂY GIỐNG VÀ TRỒNG CÂY BẢN ĐỊA KHU VỰC BÀI THẢI TRONG KHU  
II, TRỒNG CÂY XANH KHU VỰC BỜ HỒ KHE UỐN 1 – MỎ NAM TRĂNG BẠCH**  
(Kèm theo Quyết định số: 2190/QĐ-CTCP397 ngày 22/10/2025 của Công ty cổ phần 397)

**1. Dự toán**

| TT   | Tên hàng/dịch vụ                                                                       | ĐVT    | Quy cách     | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------|----------|---------|------------|
| A    | TRỒNG CÂY BẢN ĐỊA KHU VỰC BÀI THẢI TRONG KHU II, DIỆN TÍCH TRỒNG S=2,0HA               |        |              |          |         |            |
| I    | Trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II (trồng cây Lim xanh, diện tích 1,8 ha) |        |              |          |         |            |
| 1    | Loại cây                                                                               |        | Cây Lim xanh |          |         |            |
| 2    | Đào hố trồng cây                                                                       | m      | 0,4x0,4x 0,4 |          |         |            |
| 3    | Khoảng cách giữa các hàng                                                              | m      | 3            |          |         |            |
| 4    | Quy cách cây giống<br>(Kích thước bầu 10x15cm)                                         | cm     | 100-;-130    |          |         |            |
| 5    | Diện tích trồng cây                                                                    | ha     |              | 1,8      |         |            |
| 6    | Mật độ trồng cây                                                                       | Cây/ha |              | 1.100    |         |            |
| 7    | Lượng phân bón NPK trong 1 hố                                                          | Kg/hố  |              | 0,2      |         |            |
| 8    | Tổng lượng cây trồng (Mật độ 1.100 cây/ha)                                             | Cây    |              | 1.980    | 22.000  | 43.560.000 |
| 9    | Tổng lượng phân bón NPK                                                                | kg     |              | 396      | 16.300  | 6.454.800  |
| 10   | Nhân công trồng cây (Lao động bậc 4/7)                                                 | Công   |              | 72.2106  | 416.000 | 30.039.610 |
| 10.1 | Đào hố trồng 0,4x0,4x0,4cm                                                             | Công   |              | 30,4524  |         |            |

|                                    |                                                                                   |      |              |  |            |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------|--------------|--|------------|
| 10.2                               | Lắp hố trồng                                                                      | Công | 9,7020       |  |            |
| 10.3                               | Vận chuyển phân lót                                                               | Công | 11,6424      |  |            |
| 10.4                               | Vận chuyển cây và trồng                                                           | Công | 20,4138      |  |            |
| Cộng                               |                                                                                   |      |              |  | 80.054.410 |
| Thuế GTGT (nhân công tính thuế 8%) |                                                                                   |      |              |  |            |
|                                    |                                                                                   |      |              |  | 2.403.169  |
| Thuế GTGT (phân bón tính thuế 5%)  |                                                                                   |      |              |  |            |
|                                    |                                                                                   |      |              |  | 322.740    |
| Tổng cộng (1)                      |                                                                                   |      |              |  |            |
|                                    |                                                                                   |      |              |  | 82.780.319 |
| II                                 | Trồng cây bản địa khu vực bãi thải trong khu II (trồng cây Lát, diện tích 0,2 ha) |      |              |  |            |
| 1                                  | Loại cây                                                                          |      | Cây Lát      |  |            |
| 2                                  | Đào hố trồng cây                                                                  | m    | 0,4x0,4x 0,4 |  |            |
| 3                                  | Khoảng cách giữa các hàng                                                         | m    | 3            |  |            |
| 4                                  | Quy cách cây giống<br>(Kích thước bầu 10x15cm)                                    | cm   | 100-:-130    |  |            |
| 5                                  | Diện tích trồng cây                                                               | ha   | 0,2          |  |            |

9

|                                    |                                            |        |  |        |         |           |
|------------------------------------|--------------------------------------------|--------|--|--------|---------|-----------|
| 6                                  | Mật độ trồng cây                           | Cây/ha |  | 1.100  |         |           |
| 7                                  | Lượng phân bón NPK trong 1 hố              | Kg/hố  |  | 0.2    |         |           |
| 8                                  | Tổng lượng cây trồng (Mật độ 1.100 cây/ha) | Cây    |  | 220    | 12.000  | 2.640.000 |
| 9                                  | Tổng lượng phân bón NPK                    | kg     |  | 44     | 16.300  | 717.200   |
| 10                                 | Nhân công trồng cây (Lao động bậc 4,7)     | Công   |  | 8.0234 | 416.000 | 3.337.734 |
| 10.1                               | Đào hố trồng 0,4x0,4x0,4cm                 | Công   |  | 3.3836 |         |           |
| 10.2                               | Lấp hố trồng                               | Công   |  | 1.0780 |         |           |
| 10.3                               | Vận chuyển phân lót                        | Công   |  | 1.2936 |         |           |
| 10.4                               | Vận chuyển cây và trồng                    | Công   |  | 2.2682 |         |           |
| Cộng                               |                                            |        |  |        |         | 6.694.934 |
| Thuế GTGT (nhân công tính thuế 8%) |                                            |        |  |        |         | 267.019   |
| Thuế GTGT (phân bón tính thuế 5%)  |                                            |        |  |        |         | 35.860    |
| Tổng cộng (2)                      |                                            |        |  |        |         | 6.997.813 |

| TT   | Tên hàng/dịch vụ                                                | ĐVT    | Quy cách     | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------|----------|---------|------------|
| B    | TRỒNG CÂY XANH KHU VỰC BỜ HỒ KHE UỐN 1, DIỆN TÍCH TRỒNG S=1,6HA |        |              |          |         |            |
| 1    | Loại cây                                                        |        | Cây phi lao  |          |         |            |
| 2    | Đào hố trồng cây                                                | m      | 0,4x0,4x 0,4 |          |         |            |
| 3    | Khoảng cách giữa các hàng                                       | m      | 1.7          |          |         |            |
| 4    | Quy cách cây giống                                              | cm     | 120-:-150    |          |         |            |
| 5    | Tổng diện tích trồng cây                                        | ha     |              | 1.6      |         |            |
| 6    | Mật độ trồng cây                                                | Cây/ha |              | 3.300    |         |            |
| 7    | Lượng phân bón NPK trong 1 hố                                   | kg/hố  |              | 0.2      |         |            |
| 8    | Tổng lượng cây trồng (Mật độ 3.300 cây/ha)                      | Cây    |              | 5.280    | 8.000   | 42.240.000 |
| 9    | Tổng lượng phân bón NPK                                         | kg     |              | 1.056    | 16.300  | 17.212.800 |
| 10   | Nhân công trồng cây (Lao động bậc 4/7)                          | Công   |              | 192,5616 | 416.000 | 80.105.626 |
| 10.1 | Đào hố trồng 0,4x0,4x0,4cm                                      | Công   |              | 81,2064  |         |            |
| 10.2 | Lấp hố trồng                                                    | Công   |              | 25,8720  |         |            |
| 10.3 | Vận chuyển phân lót                                             | Công   |              | 31,0464  |         |            |
| 10.4 | Vận chuyển cây và trồng                                         | Công   |              | 54,4368  |         |            |



9

Phải điền  
TẠ CHON NHÀ THẦU  
CÔNG CAY BÀN ĐỊA KH  
MÔ KHE ƯƠN 1 - MÔ N  
397 ngày 10/2025 của

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|  |  |  |